

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS-PT

Ngày 16/01/2025

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Vũ Việt Dũng.

Trần Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2024/DSST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 221/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 329/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Trú tại: A đường N, phường H, quận H, Tp Đà Nẵng; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; Trú tại: Tổ A, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/8/2024). Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đào Quang N1, sinh năm 1981 và bà Đặng Thị Cẩm H1, sinh năm 1982; Cùng trú tại: B đường P, tổ B phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Ông N1 có mặt, bà H1 vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Đào Quang N1 và bà Đặng Thị Cẩm H1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Bị đơn là ông Đào Quang N1 và Đặng Thị Cẩm H1 trình bày:* Giữa ông bà với bà Nguyễn Thị H có nhiều giao dịch dân sự, ông bà đang sao kê Ngân hàng để thực hiện

quyền phản tố để bù trừ nghĩa vụ hoặc buộc bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông bà số tiền đã nhận thừa (nhiều hơn số tiền vợ chồng ông N1, bà H1 nợ bà H). Tại phiên công khai chứng cứ ngày 10/4/2024, bị đơn Đào Quang N1 có mặt, nhưng đến trước khi mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 09/8/2024, ông N1 vẫn không có bản trình bày ý kiến về vụ án. Ngày 21/8/2024, ông N1 tiếp tục có đơn đề nghị hoãn phiên tòa và cung cấp nhiều sổ phụ kiêm phiếu báo nợ, báo có, bảng kê tổng hợp công nợ. Tại văn bản này, ông N1 vẫn không đưa ra ý kiến về vụ án.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2024/DSST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định: Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với yêu cầu về việc tính lãi suất chậm trả.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Đào Quang N1 và bà Đặng Thị Cẩm H1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 6.943.000đ (*Sáu triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001590 ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Buộc ông Đào Quang N1 và bà Đặng Thị Cẩm H1 phải chịu 13.100.000 đồng (*Mười ba triệu một trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/9/2024, ông Đào Quang N1 và bà Đặng Thị Cẩm H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét và giải quyết theo quy định. Theo ông bà thì vợ chồng đã trả hết tiền cho bà H và cung cấp hồ sơ sao kê tài liệu chuyển trả nhưng cấp sơ thẩm không đối chất hai bên mà vẫn thực hiện xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của vợ chồng ông Đào Quang N1 và bà Đặng Thị Cẩm H1 thì thấy: Căn cứ Giấy vay tiền ngày 30/8/2022, bà Nguyễn Thị H có cho vợ chồng ông Đào Quang N1, bà Đặng Thị Cẩm H1 vay số tiền 262.500.000 đồng, trong thời hạn 10 tháng, kể từ ngày 30/8/2022. Giấy này thay thế giấy mượn tiền của ông Đào Quang Nhật K ngày 29/8/2002 số tiền 5,7 tỷ đồng y. Giấy mượn tiền 5,7 tỷ sẽ hết hiệu lực từ ngày 30/8/2022. Đây là giao dịch dân sự được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các chủ thể khi giao kết có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Do đó, giao dịch này làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Quá trình giải quyết vụ án, bà H chỉ yêu cầu ông N1, bà H trả số tiền 262.000.000 đồng. Đối chiếu các tài liệu, chứng cứ do ông N1, bà H1 cung cấp thì thấy: Các chứng cứ sao kê tại Ngân hàng do bà Đặng Thị Cẩm H1 chuyển khoản đều thể hiện trước thời gian ông N1, bà H1 và bà H viết Giấy vay tiền ngày 30/8/2022, đồng thời đối chiếu giấy vay tiền thì qua thời hạn 10 tháng, kể từ ngày viết giấy vay ngày 30/8/2022 nghĩa là sau ngày 30/6/2023 thì ông N1, bà H1 sẽ thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà H. Tuy nhiên, sau ngày 30/8/2022, trong chứng từ sao kê chi tiết giao dịch E tại S – Chi nhánh Đ thì bà Đặng Thị Cẩm H1, ông Đào Quang N1 có chuyển khoản vào chủ tài khoản là bà Nguyễn Thị H. Cụ thể:

Ngày 14/9/2022, ông N1 chuyển khoản là 10.000.000 đồng.

Ngày 30/9/2022, ông N1 chuyển khoản 10.000.000 đồng có nội dung ghi trả lãi.

Ngày 01/12/2022, ông N1 chuyển khoản 10.000.000 đồng có nội dung ghi trả lãi.

Ngày 19/12/2022, ông N1 chuyển khoản 10.000.000 đồng có nội dung ghi trả lãi.

Ngày 11/01/2023, ông N1 chuyển khoản 10.000.000 đồng có nội dung ghi trả lãi.

Ngày 09/02/2023, bà H1 chuyển khoản 10.000.000 đồng có nội dung ghi trả lãi.

Ngày 20/3/2023, ông N1 chuyển khoản 20.000.000 đồng có nội dung ghi trả lãi.

[2] Trong số những chứng từ chuyển khoản được bà H1 cung cấp tại giai đoạn phúc thẩm thì thấy: Trong số tiền 80.000.000 đồng mà ông N1 và bà H1 đã chuyển khoản cho bà H thì có 01 lần chuyển khoản ngày 14/9/2022, ông N1 chuyển khoản cho bà H 10.000.000 đồng, không ghi nội dung trả lãi nên chấp nhận số tiền này là số tiền ông N1, bà H1 đã trả tiền nợ gốc cho bà H. Còn lại 06 lần chuyển khoản ghi nội dung trả lãi đã được hai bên đương sự thỏa thuận tự nguyện với nhau, ông N1 không biết có thỏa thuận lãi hay không, việc ông N1 chuyển khoản cho bà H ghi nội dung trả lãi ông cũng không hiểu lý do vì sao, đồng thời, ông N1 cho rằng số tiền 262.000.000 đồng là số tiền lãi, không phải số tiền gốc nhưng ông N1 không chứng minh được đó là số tiền lãi, chồng lãi. Ngoài số tiền đó ra thì vợ chồng ông không còn nợ bà H khoản tiền nào khác. Do đó, số tiền 70.000.000 đồng ghi nội dung trả lãi, xét không có cơ sở chấp nhận để tính trừ vào số tiền nợ gốc mà ông N1, bà H1 phải trả cho bà H. Vì vậy, cần Sửa một

phần Bản án dân sự sơ thẩm, buộc vợ chồng ông Đào Quang N1 và bà Đặng Thị Cẩm H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 252.000.000 đồng.

[3] Do chứng từ sao kê Ngân hàng được bà H1 cung cấp tại giai đoạn phúc thẩm nên việc sửa bản án không phải do lỗi chủ quan của cấp sơ thẩm.

[4] Bà Nguyễn Thị H đã rút yêu cầu về lãi suất nên cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu này là đúng nên không xét đến.

[5] Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đào Quang N1, bà Đặng Thị Cẩm H2.

[6] Án phí DSST: Ông Đào Quang N1, bà Đặng Thị Cẩm H2 phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Do chấp nhận một phần kháng cáo nên ông Đào Quang N1, bà Đặng Thị Cẩm H2 không phải chịu án phí DSPT.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 39/2024/DSST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đào Quang N1, bà Đặng Thị Cẩm H2. Buộc ông N1, bà H2 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 252.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 280; Điều 357; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đào Quang N1, bà Đặng Thị Cẩm H2 đối với bà Nguyễn Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

II. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 39/2024/DSST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Đào Quang N1, bà Đặng Thị Cẩm H2 về việc yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Đào Quang N1 và bà Đặng Thị Cẩm H1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

2.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí DSST: Ông Đào Quang N1 và bà Đặng Thị Cẩm H1 phải chịu 12.600.000 đồng (*Mười hai triệu sáu trăm ngàn đồng*). Chia phần mỗi người: 6.300.000 đồng/người. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.943.000 đồng (*Sáu triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001590 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

III. Án phí DSPT: Ông Đào Quang N1, bà Đặng Thị Cẩm H2 phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003411 ngày 26/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé